TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28/5/2024
"V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Tuyết Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quang Thanh
2. Bà Bùi Thị Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hà – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 07/5/2024 và ngày 28 tháng 5 năm 2024. Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2024/TLST - HNGĐ, ngày 22 tháng 01 năm 2024, Về việc *"Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 127/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: đường Lê Văn Cử, tổ 6, khóm Thuận An, phường HT- TPCL-ĐT

Bị đơn: Tô Văn TI, sinh năm 1987.

Địa chỉ: đường Lê Văn Cử, tổ 6, khóm Thuận An, phường HT- TPCL-ĐT.

(Chị T có mặt tại phiên tòa. Anh TI vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa chị Nguyễn Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hòa Thuận, TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp ngày 13/12/2016.

Trong thời gian đầu chung sống với nhau có hạnh phúc. Tuy nhiên về sau vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do không có tiếng nói

chung, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng ly thân từ năm 2021 đến nay, tuy vợ chồng đã nhiều lần tìm cách hòa giải, hàn gắn TI cảm nhưng không thành. Nhận thấy TI cảm vợ chồng không còn, đời sống vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được.

Nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh Tô Văn TI.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung, tên là Tô Đăng Khoa, sinh năm 05/11/2016. Con chung đang sống chị T. Theo đơn khởi kiện chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, yêu cầu anh TI cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng từ tháng 12/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Tại phiên họp và tại phiên tòa, chị T thay đổi yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con. Chị Nguyễn Ngọc T không yêu cầu anh TI cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Tô Văn TI đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, anh TI không có văn bản ghi ý kiến về việc giải quyết vụ án, vắng mặt tại phiên họp và hòa giải, không có ý kiến đối với thông báo về kết quả phiên họp của Tòa án. Tại phiên toà anh TI vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định*:*

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc T và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn, nuôi con"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về thẩm quyền giải quyết:* Xét thấy, địa chỉ của bị đơn tại địa chỉ: Số 473/38, đường Lê Văn Cử, tổ 6, khóm Thuận An, phường Hòa Thuận, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Anh Tô Văn TI đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh TI theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc T yêu cầu ly hôn với anh Tô Văn TI.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T và anh TI kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hòa Thuận, TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp ngày 13/12/2016 là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị T trình bày, thời gian vợ chồng chung sống có hạnh phúc. Tuy nhiên, về sau vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng ly thân từ năm 2021 đến nay, tuy vợ chồng đã nhiều lần tìm cách hòa giải, hàn gắn TI cảm nhưng không thành. Hiện nay, xét thấy TI cảm vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh TI, tại phiên tòa chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Tô Văn TI theo quy định của pháp luật nhưng anh Tô Văn TI không có văn bản ghi ý kiến và vắng mặt tại các phiên họp, hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 *"...Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm hôn nhân lâm vào TI trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".*

Do đó, xét yêu cầu của chị Nguyễn Ngọc T yêu cầu ly hôn với anh Tô Văn TI là có căn cứ theo Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung, tên là Tô Đăng Khoa, sinh năm 05/11/2016. Con chung đang sống với chị T. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, Chị T thay đổi yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu anh TI cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị T: Con chung Tô Đăng Khoa, sinh năm 05/11/2016, đã hơn 7 tuổi nhưng chưa đi học nên không biết chữ, không biết viết, nguyên nhân do bé chậm nói. Theo giấy chứng nhận ngày 14/3/2024 của bệnh viện Nhi Đồng 1, Thành phố Hồ Chí Minh thì hiện tại bé có dấu hiệu chậm phát triển nhiều lĩnh vực và biểu hiện rối loạn phát triển lan tỏa. Sau khi tiếp xúc với bé Tô Đăng Khoa, bé vẫn nghe, hiểu được khi giao tiếp, bé biết gật đầu khi chào hỏi, bé nhận biết được tên mình là Khoa, gọi chị T là ma (mẹ). Chị T đang làm nghề spa, thu nhập mỗi tháng khoảng 9.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, chị cam kết chị đủ điều kiện kinh tế để nuôi con. Chị T đang điều trị bệnh cho con và làm thủ tục cho con đi học. tại phiên tòa chị vẫn giữ yêu cầu được nuôi con chung là Tô Đăng Khoa. Anh Tô Văn TI không có văn bản ý kiến và vắng mặt tại phiên tòa. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị T là có căn cứ chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chị Nguyễn Ngọc T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Tô Đăng Khoa.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa chị T vẫn giữ ý kiến về việc thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, Chị T không yêu cầu anh TI cấp dưỡng

nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Tô Văn TI không có ý kiến và vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Do đó, án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình ly hôn là 300.000 đồng chị Nguyễn Ngọc T phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Ngọc T đã nộp tạm ứng là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0000294 ngày 22/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh tỉnh Đồng Tháp. Chị Nguyễn Ngọc T đã nộp xong tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

T xử:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu chị Nguyễn Ngọc T. Chị Nguyễn Ngọc T được ly hôn với anh Tô Văn TI.

[2]. V*ề con chung:* Vợ chồng có một con chung tên là Tô Đăng Khoa, sinh năm 05/11/2016. Con chung Tô Đăng Khoa đang sống với chị Nguyễn Ngọc T. Chị Nguyễn Ngọc T được tiếp tục nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Ngọc T không yêu cầu anh Tô Văn TI cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng

việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3]. *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Nguyễn Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: chị Nguyễn Ngọc T phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Ngọc T đã nộp tạm ứng là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0000294 ngày 22/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh tỉnh Đồng Tháp. Chị Nguyễn Ngọc T đã nộp xong tiền án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày T án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TPCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Tuyết Nga